

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

(Theo Quyết định số: 688/QĐ-BHBV ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

I. PHÍ BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

(Theo Phụ lục I - Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Loại xe	Phí bảo hiểm 01 năm (đồng)	
		Mức trách nhiệm bảo hiểm: -Về người: 150tr.đ/người/vụ -Về tài sản: 50tr.đ/vụ	
I	Mô tô 2 bánh		
1	Từ 50 cc trở xuống		55.000
2	Trên 50 cc		60.000
II	Mô tô 3 bánh		290.000
III	Xe gắn máy (bao gồm xe máy điện) và các loại xe cơ giới tương tự		
1	Xe máy điện		55.000
2	Các loại xe còn lại		290.000

Lưu ý: Cách tính phí bảo hiểm cho xe có thời hạn bảo hiểm khác 01 năm theo quy định tại Nghị định 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính Phủ và Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

II. PHÍ BẢO HIỂM TNDS TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

1. Mức trách nhiệm và biểu phí bảo hiểm

Số TT	Loại xe	Phí bảo hiểm 01 năm (đồng)	
		Lựa chọn 1 Mức trách nhiệm: -Về người: 50tr.đ/người/vụ -Về tài sản: 50tr.đ/vụ	Lựa chọn 2 Mức trách nhiệm: -Về người: 100tr.đ/người/vụ -Về tài sản: 100tr.đ/vụ
I	Mô tô 2 bánh		
1	Từ 50 cc trở xuống	75.000	150.000
2	Trên 50 cc	105.000	210.000
II	Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và xe cơ giới tương tự	150.000	300.000

2. Tỷ lệ phí các mức trách nhiệm khác ngoài lựa chọn 1 và 2



Số TT	Loại xe	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm	
		Người thứ ba	Tài sản
I	Mô tô 2 bánh		
1	Từ 50 cc trở xuống	0,13%	0,02%
2	Trên 50 cc	0,17%	0,04%
II	Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	0,20%	0,10%

Công thức tính phí:

$$\text{Phí bảo hiểm} = \text{MTN}_{ng} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm người thứ 3} + \text{MTN}_{ts} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm tài sản}$$

III. BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI THEO CHỖ NGỒI TRÊN MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

Số TT	Số tiền bảo hiểm/người/vụ (STBH)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm
1	Từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	0,10%
2	Trên 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	0,15%
3	Trên 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	0,20%

IV. BẢO HIỂM VẬT CHẤT MÔ TÔ – XE GẮN MÁY

1. Tỷ lệ phí bảo hiểm vật chất xe

Số TT	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm
1	Từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	0,75%
2	Trên 50.000.000 đồng	1,35%

2. Tỷ lệ phí bảo hiểm cháy, nổ xe

Số TT	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm
1	Từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	0,30%
2	Trên 50.000.000 đồng	0,45%

V. PHÍ BẢO HIỂM MẤT CẤP, MẤT CƯỚP XE

Số TT	Số tiền bảo hiểm	Năm sử dụng				
		1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm
1	Từ 20 tr.đ đến 50 tr.đ	2,5%	3,1%	3,3%	3,5%	3,8%
2	Trên 50 tr.đ đến 100 tr.đ	2,2%	2,6%	2,8%	3,0%	3,4%
3	Trên 100 tr.đ	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%	3,0%

VI. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

1. Thuế giá trị gia tăng:

- Bảo hiểm tai nạn con người theo chỗ ngồi trên mô tô – xe gắn máy không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

- Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe và vật chất xe, mất cắp/mất cướp trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.



2. Thời hạn bảo hiểm:

- Đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô – xe gắn máy thời gian hiệu lực theo quy định tại Nghị định 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính Phủ và Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

- Đối với các bảo hiểm tự nguyện thời gian hiệu lực bảo hiểm là 01 (một) năm. Trường hợp hiệu lực bảo hiểm nhiều hơn hoặc ít hơn 01 (một) năm thì cần có sự phê duyệt của Tổng Công ty.

3. Giá trị xe:

Chủ xe có thể thỏa thuận với Bảo Việt số tiền bảo hiểm vật chất, mất cắp/mất cướp xe. Trường hợp có cơ sở chứng minh giá trị thực tế trên thị trường tại thời điểm giao kết hợp đồng thấp hơn mức giá theo cách tính ở bảng dưới đây thì áp dụng theo giá trị thực tế trên thị trường.

Giá xe đã qua sử dụng được tham khảo qua bảng sau:

Số TT	Thời gian sử dụng xe	Giá trị còn lại
1	1 năm	100%
2	2 năm	75%
3	3 năm	70%
4	4 năm	65%
5	5 năm	60%
6	6 năm	50%
7	7 năm	30%

4. Trên phân cấp khai thác (thuộc thẩm quyền Tổng Công ty):

- Các trường hợp mức trách nhiệm, số tiền bảo hiểm cao hơn quy định về tái bảo hiểm xe cơ giới của Tổng Công ty thì phải chuyển Tổng Công ty thu xếp tái bảo hiểm, phí bảo hiểm được tính trên cơ sở thỏa thuận với nhà tái bảo hiểm.

- Các trường hợp thỏa thuận sửa đổi, bổ sung làm tăng, giảm phạm vi bảo hiểm ngoài quy tắc (không áp dụng đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ mô tô - xe gắn máy).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Việt